

## PHỤ LỤC I

### Một số ý kiến cụ thể và tiếp thu, giải trình ý kiến của bộ, ngành Trung ương và các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SKH ngày /8/2021/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

**Tổng số ý kiến tham gia: 300 ý kiến**, trong đó:

**- Bộ Ngành Trung ương: 259 ý kiến tham gia, gồm:** (1) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 51 ý kiến; (2) Bộ Công thương: 24 ý kiến; (3) Bộ Giao thông vận tải: 15 ý kiến; (4) Bộ Nông nghiệp và PTNT: 19 ý kiến; (5) Bộ Tài chính: 5 ý kiến; (6) Bộ Quốc Phòng: 2 ý kiến; (7) Bộ Thông tin và Truyền thông: 15 ý kiến; (8) Bộ Ngoại giao: 11 ý kiến; (9) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 18 ý kiến; (10) Bộ Lao động – TBXH: 7 ý kiến; (11) Bộ Khoa học và Công nghệ: 7 ý kiến; (12) Bộ Tư pháp: 01 ý kiến; (13) Bộ Công an: 8 ý kiến; (14) Ủy ban dân tộc: 14 ý kiến; (15) Bộ Y tế: 4 ý kiến; (16) Bộ Giáo dục và Đào tạo: 27 ý kiến; (17) Bộ Nội vụ: 8 ý kiến; (18) Bộ Xây dựng: 23 ý kiến.

**- Các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc: 41 ý kiến tham gia, gồm:** (1) Yên Bái: 02 ý kiến; (2) Hà Giang: 6 ý kiến; (3) Lai Châu: 4 ý kiến; (4) Sơn La: 3 ý kiến; (5) Thái Nguyên: 1 ý kiến; (6) Bắc Giang: 4 ý kiến; (7) Tuyên Quang: 1 ý kiến; (8) Phú Thọ: 3 ý kiến; (9) Điện Biên: 1 ý kiến; (10) Hòa Bình: 1 ý kiến; (11) Cao Bằng: 1 ý kiến; (12) Bắc Kạn: 9 ý kiến; (13) Lạng Sơn: 3 ý kiến.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
<b>A</b>	<b>CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG</b>	
<b>1</b>	<b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b>	
1.1	Rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện về tiêu đề, kết cấu các nội dung thành phần của các mục I, II, III, IV, V, VI Chương I để phù hợp với quy định tại điểm a tiểu mục 2 mục V Điều 1 Quyết định số 1084/QĐ-TTg, điểm a khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và với khoản 1, 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.2	Mục “II. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch” thuộc Chương II cần chỉnh sửa để đảm bảo có hai nội dung thành phần theo quy định là “Các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết” và “Các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
1.3	Bổ sung nội dung “Xác định ngành quan trọng của tỉnh và mục tiêu phát triển” vào mục “III. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh” thuộc Chương II.	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.4	Chuyển mục “IV. Phương án quy hoạch đô thị” xuống sau Mục “V. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội” để phù hợp trật tự các nội dung quy hoạch được quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.5	Rà soát trật tự các nội dung thành phần và tiêu đề từng nội dung thành phần của mục “V. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội” phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (bổ sung nội dung “Xây dựng phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng” được quy định tại điểm b khoản 5 (nội dung dự kiến trên cơ sở tham vấn với các bộ, ngành có liên quan trong bối cảnh quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng chưa được phê duyệt)...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.6	Rà soát, hoàn thiện kết cấu và nội dung mục “IX. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh” thuộc Chương II phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (Nghiên cứu xem xét tham vấn với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng về việc bổ sung “Phương án về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trên địa bàn tỉnh”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.7	Điểm a khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định “Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh” bởi vậy mục “I. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương” của Chương I cần rà soát, chỉnh sửa các tiêu đề và nội dung phù hợp với quy định, có đầy đủ các thành phần <u>phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù</u> theo quy định thay cho việc đánh giá tổng quan, chung chung, chưa tập trung vào nội dung cần thực hiện theo quy định và thiếu các dự báo theo yêu cầu	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
1.8	Cần nhắc đưa các tiêu mục “Tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai”; “Các biện pháp khắc phục, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai trên địa bàn” vào mục II Chương I	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.9	Cần làm rõ các biện pháp khắc phục, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan (lũ ống, lũ quét, sạt lở đất) mà Lào Cai đã thực hiện trong thời gian qua	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.10	Tại mục “2.1. Dân cư và nguồn nhân lực” (trang 10), đề nghị sử dụng số liệu công bố trong Niên giám Thống kê 2020 của tỉnh Lào Cai	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.11	Cần nhắc khi đưa biện pháp về “Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm sử dụng than đá và nhiên liệu hóa thạch” vì không có tính thực tế đối với Lào Cai.	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.12	Nội dung mục “III. Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh Lào Cai” cần bổ sung các số liệu liên quan đến đầu tư, thương mại giữa các quốc gia, vùng, đặc biệt là Trung Quốc và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với Lào Cai qua các năm để củng cố cơ sở khoa học cho các nhận định được đưa ra.	<p>- Việc bổ sung các số liệu liên quan đến đầu tư, thương mại giữa các quốc gia trong nội dung này là quá rộng và không thể thể hiện rõ được Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh Lào Cai</p> <p>- Đã rà soát, bổ sung các số liệu liên quan đến đầu tư, thương mại giữa Trung Quốc và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với Lào Cai</p>
1.13	Bổ sung, làm rõ thêm vấn đề về chất thải rắn, nước thải và dự báo về phát sinh chất thải rắn, nước thải trong giai đoạn tới để có cơ sở đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường tại “1.5”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.14	Rà soát, chỉnh sửa các thành phần nội dung của mục “IV. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn” thuộc Chương I, theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 28/2019/NĐ-CP	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.15	Đánh giá thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; ngành và lĩnh vực xã hội theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 28/2019/NĐ-	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	CP cần bổ sung các số liệu là số tuyệt đối và số tương đối, nguồn số liệu, dữ liệu để minh chứng cho các đánh giá, cũng như thống nhất về mốc giai đoạn (5 năm) và thời kỳ (10 năm) thực hiện đánh giá ở các tiểu mục	
1.16	Đánh giá về kinh tế cửa khẩu thiếu thông tin, dữ liệu, số liệu thống kê qua các năm để biết được diễn tiến phát triển của kinh tế cửa khẩu – thế mạnh của kinh tế dịch vụ tỉnh Lào Cai, đặc biệt kể từ khi thông tuyến cao tốc Hà Nội – Lào Cai; bổ sung số liệu về đóng góp của kinh tế cửa khẩu vào GRDP của tỉnh để làm rõ vai trò của kinh tế cửa khẩu đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.17	Nghiên cứu, bổ sung thêm một số nội dung đánh giá trong báo cáo thuyết minh như tình hình các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ; lao động trong các lĩnh vực dịch vụ; tình hình xuất nhập khẩu dịch vụ tại tiểu mục “Đánh giá tổng quan chung về các ngành dịch vụ” (trang 64).	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.18	Tại trang 65: Đề nghị sử dụng số liệu tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã được công bố trong Niên giám Thống kê toàn quốc năm 2020. Theo đó, tốc độ tăng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt thấp (1,2%) do ảnh hưởng của dịch Covid-19.	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.19	Nghiên cứu, bổ sung thêm một số nội dung như: thị trường khách du lịch quốc tế, lao động trong lĩnh vực du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch... tại tiểu mục “Đánh giá thực trạng phát triển du lịch” (trang 70)”.	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.20	Nghiên cứu, bổ sung đánh giá các nội dung, đồng thời thống nhất kết cấu như lĩnh vực thương mại, du lịch (kết quả đạt được, kết cấu hạ tầng, khó khăn tồn tại, nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch) tại tiểu mục “Đánh giá dịch vụ logistics và vận tải, dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (trang 75-76)”	Nội dung đánh giá hạ tầng thương mại đã có trong báo cáo quy hoạch (trang 66), trong đó bao gồm nội dung kết quả đạt được, kết cấu hạ tầng, khó khăn tồn tại, nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch; hạ tầng du lịch đã được đánh giá trong thực trạng phát triển du lịch (trang 72)
1.21	Các nội dung tiểu mục “4. Đánh giá thực trạng các lĩnh vực xã hội, khoa học công nghệ” thiếu đánh giá theo các năm và cần bổ sung đánh giá thực trạng kết cấu hạ tầng của từng lĩnh vực	Đánh giá thực trạng kết cấu hạ tầng các lĩnh vực xã hội, khoa học công nghệ được thực hiện tại

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		mục 2. Đánh giá thực trạng kết cấu hạ tầng xã hội (trang 126)
1.22	Rà soát, hoàn thiện nội dung mục “V. Đánh giá thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng” thuộc Chương I. Đề nghị thực hiện đánh giá thực trạng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định 37 thay cho việc nêu hiện trạng	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.23	Điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định “Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh”. Tuy nhiên trong Báo cáo Quy hoạch tỉnh, nội dung cần thực hiện chưa đúng quy định bởi chỉ là đánh giá hiện trạng và còn sơ sài...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.24	Đề nghị rà soát nội dung tiểu mục “4. Phân tích, đánh giá, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức” thuộc mục VI Chương I phù hợp, khớp nối với các thành phần nội dung đã được thực nhiệm đánh giá ở các mục và tiểu mục trước đó	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.25	Nội dung tiểu mục “1. Quan điểm phát triển” thuộc mục “I. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển” của “Chương II Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” đã thể hiện được quan điểm về bố trí không gian phát triển kinh tế - xã hội, nhưng cần bổ sung quan điểm “tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn” tỉnh trong thời kỳ quy hoạch theo quy định.	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.26	Quan điểm “Quy hoạch phát triển tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đảm bảo thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia; đồng thời phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia.” (trang 144) cần cập nhật, chỉnh sửa cụm từ “chiến lược phát triển bền vững” thành “Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”.	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
1.27	Tại điểm 1 mục II (trang 159) chuẩn xác lại bốn trụ cột kinh tế hay bốn trụ cột tăng trưởng để thống nhất với nội dung đưa ra tại phần quan điểm phát triển ở trang 144	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý theo hướng bốn trụ cột tăng trưởng
1.28	Tại tiêu mục “(1). Rà soát các yếu tố đóng góp cho tăng trưởng thời kỳ trước, xem xét dư địa và khả năng phát triển trong giai đoạn tiếp theo” thuộc “2. Kịch bản phát triển”, cần rà soát các luận chứng để đảm bảo không bỏ sót nội dung và các yếu tố cản trở, yếu tố thúc đẩy của phương án luận chứng tăng trưởng	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.29	Đối với kịch bản tăng trưởng (từ trang 153 đến 168 trong Dự thảo): Đề nghị cập nhật lại phương án tăng trưởng của các ngành trong giai đoạn 2011-2020 theo số liệu đã công bố của Tổng cục Thống kê. Lựa chọn phương án tăng trưởng cho từng giai đoạn 2021-2025 (12,9%); 2026-2030 (trên 11,8%); giai đoạn 2021-2030 (trên 12%); chuyển dịch cơ cấu kinh tế cần được nghiên cứu và đánh giá chi tiết theo hiện trạng tăng trưởng của các ngành kinh tế, khu vực kinh tế, đồng thời có tính đến dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp trong nước cũng như trên thế giới để đảm bảo tính khả thi về mục tiêu tăng trưởng của tỉnh	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.30	Rà soát nội dung tiêu mục “2. Kịch bản phát triển” (nội dung tiêu mục này trình bày việc xây dựng 02 phương án phát triển nhưng chưa làm rõ phương án được lựa chọn là phương án 1 hay phương án 2, lý do của việc lựa chọn phương án trong khi tại Bảng 4: Các phương án tăng trưởng có đề cập phương án 1 là phương án chọn, phương án 2 là phương án dự phòng)	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý theo hướng luận chứng lựa chọn phương án 1
1.31	Tiêu mục “3.2. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2030” cần bổ sung “các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên” và phải đảm bảo “gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch” như đã quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP	Vì lý do bảo mật thông tin về quốc phòng – an ninh, báo cáo chỉ đưa ra một số chỉ tiêu định tính về đảm bảo quốc phòng – an ninh
1.32	Xem xét kết cấu lại Mục “II. Các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch” đảm bảo có 02 thành phần nội dung theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP “Các	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết” và “Các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch”, cũng như để phù hợp với tiêu đề chung của mục. Hoàn thiện nội dung phù hợp với tiêu đề và với quy định như đã nêu trên	
1.33	Lào Cai xác định 5 vấn đề cần ưu tiên giải quyết, trong đó có nội dung về “3. Ưu tiên thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư tư nhân” trình bày tại tiểu mục “5. Xác định các vấn đề ưu tiên cần giải quyết trong Quy hoạch tỉnh” (trang 114). Tuy nhiên, nội dung này chưa được làm rõ trong các phần sau của Quy hoạch tỉnh. Cần nhắc, bổ sung nội dung này vào Mục “II. Các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch”.	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.34	Trong rất nhiều nội dung định hướng phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh Lào Cai, Báo cáo Quy hoạch tỉnh đề ra định hướng phát triển nhưng thể hiện tính không gian (ở đâu?) và thời gian (vào lúc nào?) không rõ, thậm chí không thể hiện được, đề nghị xem xét, bổ sung vấn đề này.	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.35	Về định hướng phát triển dịch vụ logistics và vận tải: Đề nghị tách thành mục riêng, không để trong mục phát triển Khu kinh tế cửa khẩu vì vai trò của dịch vụ logistics và vận tải không chỉ hỗ trợ phát triển khu kinh tế cửa khẩu mà còn hỗ trợ phát triển, tiêu thụ hàng hóa của các khu công nghiệp, khu kinh tế và thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu	Khu kinh tế cửa khẩu là điều kiện đặc thù, lợi thế riêng có của tỉnh Lào cai để phát triển dịch vụ logistics và vận tải, do đó nội dung về phát triển dịch vụ logistics và vận tải được gắn với sự phát triển của Khu kinh tế cửa khẩu
1.37	Về mục tiêu phát triển du lịch (trang 184): Ngoài việc phấn đấu để khu du lịch Bắc Hà trở thành khu du lịch quốc gia, đề nghị bổ sung mục tiêu để Khu du lịch Y Tý đạt tiêu chí trở thành khu du lịch quốc gia theo các đánh giá và định hướng tại mục các kịch bản phát triển	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.38	Bổ sung nội dung “Xây dựng phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng” được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.39	Tiểu mục “1.1.4. Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội” cần bổ sung các thông tin liên quan đến quy mô diện tích của vùng, diện tích đất dành cho nông	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	nghiệp, cho công nghiệp, cũng như đô thị trong từng vùng để minh chứng cho vai trò, cũng như khả năng phát triển của vùng	
1.40	Nội dung tiểu mục “3. Phương án phát triển hệ thống đô thị” không kết nối logic với nội dung tiểu mục “6. Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn” thuộc mục IV Chương I bởi tiểu mục 6 vừa nêu có nội dung rất sơ sài nên không rõ cơ sở cho việc đề xuất phương án phát triển. Mục “3.2. Định hướng mô hình phát triển hệ thống đô thị” mới dừng ở việc đề xuất mô hình cho thành phố Lào Cai, chưa có mô hình cho các đô thị khác trong tỉnh nên cần hoàn chỉnh thêm	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.41	Tại tiểu mục “4. Phương án phát triển các đô thị trên địa bàn”, các nội dung định hướng quá chi tiết sẽ dẫn đến trùng lặp nội dung với quy hoạch chung xây dựng đô thị có liên quan. Tiểu mục “4.3.1. Định hướng phát triển đô thị” không rõ cơ sở thực tiễn và khoa học cho các đề xuất định hướng bởi tại tiểu mục “6. Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn” nội dung trình bày chưa đạt yêu cầu đánh giá thực trạng, chỉ là đánh giá hiện trạng và chưa thực hiện đánh giá từng đô thị	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.42	Tiểu mục “1.5. Quy hoạch phát triển sân golf” (trang 248) cần bổ sung thuyết minh, luận chứng về cơ sở của việc đề xuất số lượng sân golf và phân bố sân golf	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.43	Phương án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp đề nghị: (i) Rà soát về phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp đảm bảo sự phù hợp với chính sách phát triển công nghiệp tại Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ; Phân tích cụ thể hơn về cân đối nguồn lực phục vụ đầu tư để xây dựng hệ thống hạ tầng trong khu công nghiệp...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.44	Cần nhắc đến với đề xuất bố trí thêm 04 sân bay trực thăng; đề xuất tăng thêm phát triển thủy điện nhỏ và vừa vì thiếu luận cứ khoa học và chưa đủ cơ sở thực tế, tính khả thi của việc đề xuất này	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.45	Các nội dung cập nhật từ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng: Trong bối cảnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng chưa được phê duyệt, các nội dung	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	như đã nêu trên trong quá trình lập quy hoạch cần được tham vấn, xin ý kiến của các bộ, ngành có liên quan để đảm bảo tính khả thi về sau	
1.46	Các nội dung được quy định tại điểm đ, e, g, h, i, k, Khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch: cần bổ sung thuyết minh và luận chứng làm rõ lý do đề xuất các dự án và quy mô của dự án để đảm bảo tính thuyết phục	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.47	Phân bố và khoanh vùng đất đai theo các khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện: Đề nghị bổ sung phần thuyết minh cho các tiêu mục: “2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực”; “2.2. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.48	Phương án xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện: Đề nghị rà soát, hoàn thiện nội dung mục “VIII. Phương án xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện” thuộc Chương II bởi nội dung hiện tại quá chi tiết chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch và có thể gây trùng lặp nội dung với các quy hoạch xây dựng vùng liên huyện và vùng huyện sẽ được lập sau này	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.49	Cần bổ sung, làm rõ phương án bảo vệ môi trường về giảm thiểu, xử lý ô nhiễm môi trường không khí, nước và chất thải rắn tại Mục “IX. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.50	Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện: Đề nghị rà soát, hoàn thiện nội dung mục “XIII. Dự án đầu tư và thứ tự ưu tiên đầu tư”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
1.51	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch: đề nghị rà soát các thành phần nội dung, tiêu đề các tiêu mục đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 14 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
<b>2.</b>	<b>Bộ Công Thương</b>	
2.1	Đối với lĩnh vực công nghiệp và thương mại, đề nghị rà soát đảm bảo đầy đủ các nội dung hợp phần quy hoạch gồm: định hướng phát triển công nghiệp, các ngành công nghiệp chủ lực của Tỉnh; định hướng các hoạt động thương mại; định hướng, phân bố không gian phát triển hệ thống cấp điện, hệ thống hạ tầng thương mại (hệ	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	thông chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm logistics, hạ tầng xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh...), hạ tầng khu, cụm công nghiệp;	
2.2	Đề nghị xem xét bổ sung, đánh giá những mặt tích cực trong quy hoạch giai đoạn trước cần kế thừa trong quy hoạch tới, những tồn tại, hạn chế trong quy hoạch giai đoạn trước cần được khắc phục để giải quyết trong quy hoạch thời kỳ 2021-2030.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.3	Tại phần đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực công nghiệp Tỉnh Lào Cai giai đoạn vừa qua, đề nghị bổ sung nội dung phân tích, đánh giá thực trạng về quy mô và năng lực sản xuất, sản phẩm chủ yếu; thị trường sản phẩm; công nghiệp hỗ trợ; cơ cấu ngành theo thành phần kinh tế, theo tổ chức quản lý; về nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực ngành công nghiệp; trình độ công nghệ trong ngành công nghiệp, tình hình đầu tư;	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.4	Đối với số liệu hiện trạng công nghiệp khai thác khoáng sản: cập nhật số liệu giấy phép thăm dò và các giấy phép thăm dò khai thác khoáng sản còn hiệu lực do Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.5	Đối với số liệu hiện trạng công nghiệp luyện kim: đề nghị chuẩn xác, cập nhật lại mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.6	Đối với số liệu hiện trạng công nghiệp hoá chất, phân bón: đề nghị rà soát, tính toán giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng của ngành.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.7	Đề nghị rà soát và cập nhật số liệu hiện trạng công nghiệp chế biến thực phẩm	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.8	Đề nghị rà soát và cập nhật số liệu số liệu hiện trạng các nhóm ngành cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến gỗ, giấy.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.9	Để đảm bảo việc xây dựng kế hoạch/chương trình phát triển các ngành, lĩnh vực sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, đề nghị cân nhắc đưa các mục tiêu phát triển từng ngành, lĩnh vực trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đối với ngành công nghiệp, đề nghị bổ sung các chỉ tiêu phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu, ưu tiên giai đoạn 2021- 2030	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
2.10	Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn dự báo các yếu tố thuận lợi, khó khăn tác động đến phát triển công nghiệp của Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.11	Đề nghị rà soát đảm bảo sự phù hợp với chính sách phát triển công nghiệp tại Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.12	Cần đưa ra một số dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư, để kêu gọi đầu tư vào một số lĩnh vực có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.13	Đối với các dự án đầu tư chủ yếu làm động lực phát triển ngành công nghiệp thời gian tới, đề nghị rà soát và đánh giá lại khả năng, dự địa phát triển.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.14	Về phát triển hạ tầng cụm công nghiệp: Đề nghị đánh giá rõ hơn hiện trạng các CCN trên địa bàn Tỉnh.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.15	Bổ sung dự báo các yếu tố thuận lợi, khó khăn tác động đến phát triển các CCN trong thời kỳ quy hoạch	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.16	Đối với phương án phát triển CCN, đề nghị bổ sung, làm rõ: (i) sự phù hợp phương án phát triển cụm công nghiệp với phương án chọn phát triển công nghiệp trên địa bàn Tỉnh; (ii) việc đảm bảo nguyên tắc hạn chế sử dụng đất đã quy hoạch trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; (iii) khả năng kết nối hạ tầng kinh tế - xã hội ngoài CCN; (iv) Giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.17	Về danh mục các CCN dự kiến phát triển trên địa bàn, đề nghị bổ sung ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, các giải pháp thực hiện cho từng CCN và các nội dung liên quan khác	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
2.18	Về hạ tầng điện: Đề nghị xác định rõ hơn chương trình phát triển lưới điện 110 kV sau các nguồn 220 kV đã được xác định trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.19	Bổ sung mối liên hệ quy hoạch nguồn trên địa bàn tỉnh với quy hoạch nguồn trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; liên kết lưới điện với các địa phương trong khu vực. Rà soát, đảm bảo thống nhất với Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 được duyệt, điều chỉnh, bổ sung tại các văn bản: số 4922/BCT-ĐL ngày 10/7/2019, số 158/BCT-ĐL ngày 21/01/2020, số 392/BCT-ĐL ngày 17/01/2020, số 4862/BCT-ĐL ngày 06/7/2020, số 5839/BCT-ĐL ngày 10/8/2020, số 9580/BCT-ĐL ngày 14/12/2020 của Bộ Công Thương và Đề án Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.20	Về lĩnh vực khoáng sản: Đề nghị cập nhật danh mục các mỏ khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt và tổ chức khai thác.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.21	Về hoạt động thương mại và hạ tầng thương mại: Đề nghị bổ sung, làm rõ phương hướng phát triển thương mại của Tỉnh thời kỳ 2021-2030, trong đó chú trọng phát triển thị trường trong nước, tiêu dùng nội địa và tạo sự lan tỏa cho sự phát triển của thương mại thương mại điện tử, xuất khẩu, hoạt động thương mại biên giới.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.22	Đối với nội dung đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn Tỉnh, đề nghị làm rõ về mức độ đáp ứng của hạ tầng thương mại đối với phát triển kinh tế xã hội nói chung, với hoạt động thương mại nói riêng.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.23	Đối với hệ thống hạ tầng xăng dầu, khí đốt, đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng hệ thống kho xăng dầu, khí đốt trên địa bàn	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.24	Đề nghị phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong quá trình cập nhật, xây dựng Quy hoạch hạ tầng, dự trữ xăng dầu khí đốt Quốc gia thời kỳ 2021-2030 để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
<b>3.</b>	<b>Bộ Giao thông vận tải</b>	
3.1	Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai phối hợp chặt chẽ với các cơ quan lập các quy hoạch ngành quốc gia, cập nhật các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển và định hướng sắp xếp phân bổ các chuyên ngành giao thông trên địa bàn vùng, tỉnh để cập nhật trong báo cáo quy hoạch tỉnh.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.2	Về đường bộ: Đoạn tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai hiện nay kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 bố trí cho Bộ GTVT chưa thể đầu tư mở rộng đoạn tuyến Yên Bái – Lào Cai lên quy mô 4 làn nên đề nghị không đưa nội dung này vào thuyết minh hồ sơ quy hoạch. Đồng thời, đề nghị điều chỉnh lại quy mô đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai chỉ là 6 làn xe (không phải 8 làn xe).	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.3	Đề nghị không đưa nội dung nâng cấp Quốc lộ 4D vào quy hoạch do hiện nay kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí cho Bộ GTVT hạn chế, chưa thể đầu tư nâng cấp, mở rộng các đoạn tuyến trên QL4D.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.4	Hiện nay kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí cho Bộ GTVT hạn chế, chưa thể đầu tư nâng cấp, mở rộng đoạn tuyến từ Km9 – Km17 trên QL4E.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.5	Đề nghị bỏ các nội dung đề xuất điều chỉnh các tuyến: Tỉnh lộ 153, Tỉnh lộ 159, đường Phú Thịnh, Lê Thanh, Hoàng Liên, Nhạc Sơn, Lương Khánh Thiện, Thù Dầu Một, Tỉnh lộ 156 thành Quốc lộ 4E; Tiếp tục kéo dài Quốc lộ 4E thêm 86 km từ Lũng Pô (biên giới Việt - Trung) đến A Mú Sung – Y Tý – Dền Sáng – Sàng Ma Sáo đến giáp huyện Phong Thổ (Lai Châu) do chưa phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.6	Về quy hoạch hạ tầng giao thông vận tải đường sắt: đề nghị rà soát, cập nhật cho phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang trình duyệt cấp có thẩm quyền.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
3.7	Tại Phụ lục quy hoạch các tuyến đường địa phương: Đề nghị nghiên cứu bổ sung phương án giao cắt với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia (đường bộ, đường sắt).	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.8	Về cảng cạn: Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai nghiên cứu, cập nhật vào quy hoạch tỉnh cho phù hợp với Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2018 của Bộ GTVT phê duyệt Quy hoạch chi tiết hệ thống cảng cạn.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.9	Về quy hoạch đường thủy nội địa: đề nghị cập nhật kết quả nghiên cứu Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo nội dung Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ GTVT trình Thủ tướng Chính phủ.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.10	Về cảng cạn, cảng thủy nội địa: Thuyết minh mô tả thu hút đầu tư cảng cạn nhưng nội dung là quy hoạch cảng thủy nội địa. Vì vậy, đề nghị chỉnh sửa lại cho phù hợp vì đây là hai đối tượng khác nhau và có quy định cụ thể khác nhau.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.11	Về quy hoạch hạ tầng giao thông vận tải hàng không: đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh nội dung này theo hướng tiếp tục nâng cấp CHK Sa Pa đáp ứng công suất khai thác khoảng 3,0 triệu hành khách/năm, đảm bảo khả năng khai thác các chuyến bay quốc tế thường lệ khi có nhu cầu.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.12	Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai tổng hợp ý kiến của Bộ Quốc phòng về quy hoạch và vị trí xây dựng các sân bay trực thăng (đây là các sân bay chuyên dùng)	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.13	Về quy hoạch phát triển vận tải, giao thông đô thị: ấn chú trọng rà soát định hướng phát triển vận tải, phương tiện vận tải; tổ chức giao thông đô thị, hệ thống giao thông tỉnh, phát triển cân bằng, hiệu quả các phương thức vận tải	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.14	Về danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, ưu tiên thu hút đầu tư giai đoạn 2021 – 2030: Đề nghị rà soát, nghiên cứu xây dựng lộ trình đầu tư hợp lý các công trình, đặc biệt là các công trình giao thông bảo đảm phát huy hiệu quả và phù hợp với	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	khả năng cân đối nguồn vốn lực.	
3.15.	Hiện nay, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí cho Bộ GTVT hạn chế, chưa thể đầu tư mở rộng các dự án: đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, các tuyến quốc lộ trên địa bàn Tỉnh (QL.4, QL.4D, QL.4E, QL.279). Vì vậy, đề nghị không đưa vào danh mục dự án do trung ương đầu tư.	Đã rà soát lại các dự án giao thông cấp quốc gia theo ý kiến góp ý.
<b>4.</b>	<b>Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b>	
4.1	Bổ sung các Luật có liên quan tới lĩnh vực Nông nghiệp gồm: Luật Đê điều số 79/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 05 chiến lược phát triển các lĩnh vực đến năm 2030	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.2	Đề nghị rà soát, bổ sung phân tích để làm rõ 2 nội dung: Phân tích, đánh giá tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020. Và đánh giá nguy cơ của thiên tai, biến đổi khí hậu tác động đến phát triển kinh tế - xã hội thời gian tới.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.3	Đề nghị bổ sung số liệu đánh giá về phát triển nông nghiệp hữu cơ, doanh nghiệp đầu tư vào Nông nghiệp, liên kết sản xuất; cơ giới hóa trong nông nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.4	Về tình hình phát triển ngành chăn nuôi: bổ sung thực trạng công tác quản lý về giống vật nuôi, môi trường chăn nuôi và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.5	Bổ sung đánh giá cụ thể hiện trạng khu đô thị, điểm dân cư nông thôn gắn với nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.6	Bổ sung việc đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.7	Đề nghị làm rõ hiện trạng hoạt động của các công trình thủy lợi (các công trình kiên cố, công trình tạm, khả năng cấp nước thiết kế/ thực tế, khả năng đáp ứng nhu	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	câu tưới tiêu)	
4.8	Bổ sung đánh giá sự thay đổi về đất rừng để làm rõ tác động của việc phát triển kinh tế xã hội tới tài nguyên rừng trong những năm gần đây.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.9	Cân nhắc phương án tăng trưởng khoảng 11,6%/năm cho giai đoạn 2021-2025 trong bối cảnh dịch bệnh Covid còn diễn biến phức tạp và kéo dài.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.10	Đối với chế biến chè: Đề nghị xem xét lại phát triển mạng lưới cơ sở chế biến chè đến năm 2025 cho phù hợp với quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.11	Cần nêu rõ chủng loại rau, quả chủ yếu sử dụng cho chế biến và quy mô sản lượng chế biến theo từng mốc thời gian cụ thể: 2025, 2030.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.12	Vùng cây ăn quả có múi: Cần cụ thể quy mô từng loại quả có múi (cam, quýt, bưởi); chủ trương chung là không mở rộng diện tích sản xuất cây có múi, đặc biệt là cây cam.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.13	Vùng trồng cây ăn quả ôn đới hàng hóa: Chủ trương chung là không tăng nhiều về quy mô diện tích nhóm cây ăn quả ôn đới.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.14	Đề nghị nghiên cứu bổ sung phân vùng đối với các loại hình thiên tai khác thường xuyên xảy ra như lũ, ngập lụt, sạt lở bờ sông, suối,...	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.15	Đối với nội dung “Xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh” đề nghị nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung việc xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai đối với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.16	Bổ sung, làm rõ phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai đối với phòng chống lũ quét, sạt lở đất như đã nêu trong kế hoạch phòng chống thiên tai của tỉnh	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
4.17	Bổ sung các giải pháp về bảo vệ môi trường: khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn, đặc biệt là các khu vực thường gây ra lũ quét, nhằm bảo vệ môi trường sinh thái; hạn chế khai thác khoáng sản tại các mỏ có trữ lượng thấp, khai thác khoáng sản quá mức để tránh tình trạng sạt lở đất trong mùa mưa lũ.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.18.	Bổ sung các dự án sử dụng vốn ngân sách TW đã được xác định trong Kế hoạch Đầu tư công trung hạn, trong đó có 01 dự án do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư: Kè chống sạt lở bờ Hữu sông Hồng TP Lào Cai.	Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến góp ý.
4.19	Ý kiến của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2: Đề nghị Tỉnh cập nhật các công trình hồ, đập sửa chữa trong dự án: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, có Danh sách các công trình hồ, đập sửa chữa gửi kèm theo: Văn bản số 5703/BNN-KH ngày 09/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Đang rà soát bổ sung.
<b>5.</b>	<b>Bộ Tài chính</b>	
5.1	Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý lập nhiệm vụ quy hoạch là Luật Ngân sách nhà nước năm 2015	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
5.2	Bổ sung mục đánh giá thực hiện quy hoạch so với mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thời kỳ 2011- 2020, làm rõ hơn các mục tiêu chưa đạt được tại Quy hoạch giai đoạn trước	Đang bổ sung theo ý kiến góp ý.
5.3	Đề nghị Tỉnh bổ sung cụ thể nội dung dự kiến kinh phí lập quy hoạch cũng như nguồn kinh phí lập quy hoạch đồng thời rà soát đầy đủ các nội dung chi đảm bảo đúng quy định tại Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.	Đang bổ sung theo ý kiến góp ý.
5.4	Đề nghị tỉnh Lào Cai rà soát lại các nguồn vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Tỉnh.	Đang rà soát theo ý kiến góp ý.
5.5	Đề nghị bổ sung giải pháp: “Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh để bố trí, sử dụng	Đang bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả, đồng thời khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế xã hội của địa phương ”.	
<b>6.</b>	<b>Bộ Quốc phòng</b>	
6.1	Bộ Quốc phòng đã có văn bản số 1133/BQP-TM ngày 22/4/2021 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề cùng với các địa phương phối hợp, triển khai thực hiện; đồng thời, Bộ Quốc phòng cũng đang triển khai lập Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng; Quy hoạch hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng. Do vậy, quá trình hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị UBND tỉnh Lào Cai - Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng để kịp thời cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho quốc phòng vào quy hoạch tỉnh, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch ngành và phối hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành với quản lý lãnh thổ, để quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh không ảnh hưởng đến thể trận quân sự khu vực phòng thủ; công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	Nội dung quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lào Cai trong Quy hoạch tỉnh Lào Cai đến năm 2030 đã bổ sung, thống nhất về đất quốc phòng.
6.2	Bộ Quốc phòng giao BTL Quân khu 2 chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh Lào Cai phối hợp chặt chẽ với Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh để thực hiện các nội dung liên quan đến tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh Lào Cai vào Quy hoạch tỉnh theo đúng chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 về tích hợp Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội vào hệ thống quy hoạch tỉnh và các quy định về tích hợp quy hoạch của Bộ Quốc phòng.	Đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư lệnh Quân khu 2 và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai trong các vấn đề liên quan đến quốc phòng trong nội dung Quy hoạch Tỉnh.
<b>7.</b>	<b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b>	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
7.1	Đề nghị sửa mục 1.3. Kết cấu hạ tầng mạng lưới viễn thông (trang 115) thành <i>1.3. Thực trạng phát triển thông tin và truyền thông</i> , nội dung mục này có phần bưu chính, công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin, hạ tầng phát thanh truyền hình và mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở	Tên mục 1.3. tuân thủ khoản g), điều 27, Luật Quy hoạch, trong đó bao gồm cả nội dung thông tin và truyền thông
7.2	Hiện trạng công nghệ thông tin cần có đánh giá các nền tảng dùng chung, phạm vi triển khai của các hệ thống Chính phủ điện tử và Chính phủ số	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
7.3	Bổ sung đánh giá hạ tầng cơ sở dữ liệu trong các cơ quan Nhà nước, hạ tầng trung tâm dữ liệu (nếu có), hiện trạng các hệ thống dữ liệu đã được chia sẻ và tích hợp sử dụng ở các cấp chính quyền, cơ quan Nhà nước, hiện trạng thu thập, khai thác thông tin, dữ liệu của các hệ thống đã triển khai	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
7.4	Cần có đánh giá thực chất triển khai, bổ sung đánh giá kết quả đã triển khai các hệ thống phục vụ người dân, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp tương tác với cơ quan chính quyền	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
7.5	Hiện trạng an toàn, an ninh thông tin (trang 118): Nghiên cứu bổ sung hiện trạng triển khai đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp; thực thi bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, bao gồm tình hình phê duyệt cấp độ...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
7.6	Đề nghị xem xét nghiên cứu bổ sung vào quan điểm: <i>Phát triển kinh tế xã hội của Lào Cai gắn với chuyển đổi số, với các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp...</i>	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa nội dung quan điểm phát triển, trong đó nhấn mạnh nội dung về đẩy mạnh chương trình chuyển đổi số, trong đó phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số
7.7	Đề nghị sửa mục Phương án phát triển mạng lưới viễn thông (trang 288) thành <i>Phương án phát triển thông tin và truyền thông</i>	Tên mục tuân thủ khoản g), điều 27, Luật Quy hoạch, trong đó bao gồm cả nội dung thông tin và truyền thông
7.8	Mục tiêu và phương án phát triển bưu chính đến năm 2025 và 2030: Cần nghiên cứu bổ sung định hướng chuyển đổi dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
7.9	Mục tiêu và phương án phát triển viễn thông đến năm 2025 và 2030: Đề nghị nghiên cứu bổ sung các chỉ tiêu về tỷ lệ dân số sử dụng smartphone; tỷ lệ thuê bao cáp quang đến hộ gia đình...	Đã rà soát, bổ sung một số chỉ tiêu, tuy nhiên một số chỉ tiêu như tỷ lệ dân số sử dụng smartphone không cần thiết và không được đưa vào quy hoạch tỉnh với lý do đây là các mục tiêu của quy hoạch sản phẩm, ngành, lĩnh vực đã được loại bỏ theo Luật Quy hoạch
7.10	Bổ sung quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động, mạng thông tin di động 5G theo hướng xây dựng hạ tầng số căn cứ theo nhu cầu các nền tảng ứng dụng số trong các lĩnh vực như nông nghiệp, giao thông, thương mại, giáo dục, y tế, các thành phần của đô thị thông minh, kết nối thiết bị IoT...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
7.11	Mục tiêu và phương án phát triển công nghệ thông tin đến năm 2025 và 2030: Đề nghị xem lại mục tiêu đến năm 2025: “Trên 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau...theo các mục tiêu của Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
7.12	Bổ sung quy hoạch công nghệ thông tin các nội dung: Quy hoạch các hệ thống dữ liệu tích hợp của Chính phủ số; xây dựng trung tâm dữ liệu, phát triển công nghệ điện toán đám mây với các loại hình dịch vụ cung cấp được lưu trữ trên điện toán đám mây, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước và xã hội...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
7.13	Phương án an toàn, an ninh thông tin đến năm 2025 và 2030 (trang 293): Đề nghị bổ sung nghiên cứu bổ sung phương án triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp. Đề xuất nguồn lực đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
7.14	Đề nghị bổ sung mục tiêu phát triển của lĩnh vực báo chí, tuyên truyền phù hợp với đặc thù truyền thống và con người Lào Cai	Theo Luật Quy hoạch, đối tượng quy hoạch tỉnh là tổ chức không gian và quy hoạch kết cấu hạ tầng; nội dung của lĩnh vực báo chí nằm trong hạ

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		tăng viễn thông, do đó không bổ sung các mục tiêu phát triển cụ thể của lĩnh vực này
7.15	Thực hiện chuyển đổi số, hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở, ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, có giải pháp quản lý, vận hành hệ thống thông tin cơ sở để bảo đảm vai trò là kênh thông tin quan trọng, phù hợp về ngôn ngữ cung cấp thông tin kịp thời và hiệu quả cho người dân	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
<b>8.</b>	<b>Bộ Ngoại giao</b>	
8.1	Đề nghị cân nhắc bổ sung và điều chỉnh một số nhận định về bối cảnh và triển vọng kinh tế thế giới (trang 24) như sau: Tăng trưởng kinh tế toàn cầu đang trên đà phục hồi nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro và không đồng đều giữa các nước...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
8.2	Đề nghị chỉnh sửa phần Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vẫn là xu thế chủ đạo như sau: “...Việt Nam đã hoàn tất ký kết các FTA với các đối tác lớn, <u>tiêu biểu</u> như CPTPP, EU, Nga, EVFTA, <u>RCEP, FTA với khối EAEU...</u> ”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
8.3	Chỉnh sửa phần Trung Quốc triển khai Chiến lược phát triển kinh tế “Vòng tuần hoàn kép” (trang 27) như sau: Tháng 10/2020, Trung Quốc chính thức công bố “Chiến lược tuần hoàn kép”....	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
8.4	Về chính sách đối ngoại của Trung Quốc với các nước Đông Nam Á (trang 29), đề nghị bổ sung như sau: <i>Từ sau Đại hội 19 Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trung Quốc đã có bước chuyển rõ rệt trong tư duy chính sách đối với các nước láng giềng và khu vực Đông Nam Á. Khu vực Đông Nam Á có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với Trung Quốc...</i>	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
8.5	<b>Về phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức:</b> Đề nghị cân nhắc bổ sung: (i) cơ hội đến từ việc dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu; (ii) thách thức đến từ các hoạt động tội phạm xuyên biên giới	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
8.6	<b>Đối với quy hoạch hệ thống cửa khẩu:</b> Đề nghị rà soát và đảm bảo Quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu tỉnh Lào Cai cần có sự thống nhất giữa địa phương hai bên (Lào Cai và Vân Nam) và phù hợp với Hợp phần quy hoạch “Thực trạng	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	và phương hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” của Quy hoạch tổng thể quốc gia	
8.7	<i>Đối với quy hoạch hệ thống kè bảo vệ bờ sông suối biên giới: nội dung quy hoạch xây dựng hệ thống kè bảo vệ bờ sông suối biên giới giai đoạn 2021-2025 của tỉnh cần bám sát danh mục các công trình tổng thể của Quốc gia để xây dựng lộ trình, kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế...</i>	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
8.8	<i>Đối với phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh: Đề nghị không nêu lại bối cảnh phát triển do đã nêu ở phần trước mà chỉ nên tập trung làm rõ phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển cụ thể các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch</i>	Nội dung bối cảnh phát triển ở phần 1 của báo cáo quy hoạch là bối cảnh tác động của vùng, quốc gia và quốc tế đến phát triển của cả tỉnh; việc xác định bối cảnh phát triển của từng ngành, lĩnh vực là căn cứ để dự báo và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực
8.9	<i>Đối với Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục tác hại do nước gây ra: đề nghị cân nhắc bổ sung (tại trang 420) giải pháp sau: Trong khuôn khổ hợp tác tiểu vùng Mê Công, phối hợp với Trung Quốc tăng cường hợp tác trong lĩnh vực chia sẻ dữ liệu thủy văn, sử dụng bền vững nguồn nước cũng như quản lý các sông suối có yếu tố liên quốc gia</i>	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
8.10	<b>Về giải pháp thực hiện quy hoạch:</b> về cơ chế, chính sách (trang 480), đề nghị làm rõ “cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng biên giới Lào Cai “hòa bình, hợp tác, phát triển” để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong phát triển giao lưu kinh tế, đối ngoại, hợp tác quốc tế với tỉnh Vân Nam, vùng Tây Nam (Trung Quốc) và ASEAN	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
8.11	<b>Về Danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư:</b> đề nghị tỉnh Lào Cai cân nhắc điều chỉnh Danh mục theo hướng chỉ lựa chọn và sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án cấp bách, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế-xã hội trong từng ngành, lĩnh vực	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
<b>9</b>	<b>Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch</b>	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
9.1	Tại Phần mở đầu, mục “IV. Căn cứ lập Quy hoạch” (các trang 04-7 của Thuyết minh Quy hoạch): đề nghị bổ sung một số Luật chuyên ngành liên quan như: Luật Du lịch, Luật Thể dục Thể thao, Luật Di sản văn hóa, Luật Thư viện...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý theo hướng xây dựng Phụ lục căn cứ lập quy hoạch, trong đó liệt kê đầy đủ các căn cứ lập quy hoạch
9.2	Về nội dung đánh giá một số khó khăn, tồn tại trong phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Lào Cai: đề nghị bổ sung: “Việc đổi mới, đa dạng hóa các hình thức hoạt động phục vụ đời sống văn hóa cơ sở phù hợp với điều kiện, địa bàn, dân cư của tỉnh chưa được quan tâm đúng mức”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
9.3	Tại Chương II, mục I, tiểu mục “1. Quan điểm phát triển”, đề nghị bổ sung nội dung “Chú trọng phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ trọng tâm, phát triển văn hóa gắn với bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh. Đầu tư cho phát triển văn hóa phải đặt ngang hàng với phát triển kinh tế”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
9.4	Tại điểm “3.1. Mục tiêu tổng quát” (trang 156 của Thuyết minh Quy hoạch), đề nghị bổ sung nội dung: “Gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tốt đẹp của đồng bào các dân tộc; nâng cao mức độ hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các thiết chế văn hóa của nhân dân trên địa bàn tỉnh”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
9.5	Tại điểm 3.2.2 (các trang 157-158 của Thuyết minh Quy hoạch), đề nghị bổ sung chỉ tiêu “Giai đoạn 2021-2025: 60% các thiết chế văn hóa trên địa bàn được kiện toàn, củng cố, và nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân. Duy trì và phát triển đạt 80% vào năm 2030”, đồng thời, đổi tên tiểu mục này thành “Các mục tiêu phát triển văn hóa - xã hội”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
9.6	Tại Chương II, mục I, tiểu mục “4. Tầm nhìn đến năm 2050” (các trang 158-159 của Thuyết minh Quy hoạch), đề nghị bổ sung nội dung: “Lào Cai trở thành một trong những trung tâm hoạt động văn hóa lớn ở vùng Tây Bắc...”	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
9.7	Tại Chương II, mục II, tiểu mục “1. Phát triển bốn trụ cột kinh tế” (các trang 159-161 của Thuyết minh Quy hoạch), đề nghị bổ sung mục tiêu về tỷ trọng tổng thu toàn ngành du lịch của tỉnh Lào Cai trong tổng thu từ du lịch của cả nước và vùng Trung du miền núi phía Bắc vào điểm (3) của tiểu mục này	Đã rà soát, bổ sung mục tiêu về tỷ trọng tổng thu toàn ngành du lịch của tỉnh Lào Cai trong tổng thu từ du lịch của cả nước; mục tiêu về tỷ trọng tổng thu toàn ngành du lịch của tỉnh Lào Cai trong tổng thu từ du lịch của vùng TDMNPB không thể xây dựng được vì chưa có căn cứ của từng tỉnh trong vùng và cả vùng
9.8	Tại Chương II, mục II, tiểu mục 2, điểm “(3) Cục tăng trưởng dựa trên du lịch, dịch vụ đô thị Sa Pa - Y Tý” (trang 163 của Thuyết minh Quy hoạch), cần tính toán sự cân bằng giữa gia tăng sức chứa du lịch về cơ học với sức chứa môi trường tại Sa Pa và Y Tý do hiện nay công tác thu gom, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường tại những địa bàn này chưa đáp ứng được tốc độ phát triển du lịch	Các mục tiêu phát triển du lịch tỉnh Lào Cai đã được tính toán dựa trên cơ sở đảm bảo sức chứa du lịch về cơ học với sức chứa môi trường, nhất là các vùng động lực phát triển du lịch như Sa Pa, Y Tý
9.9	Việc xây dựng định hướng phát triển các khu vực Y Tý, Bắc Hà tại tỉnh Lào Cai đạt các tiêu chí Khu du lịch quốc gia trong thời kỳ 2021-2030 cần được nghiên cứu, cân nhắc kỹ trong mối quan hệ tổng thể với các khu vực tiềm năng khác trên cả nước, trong vùng, trong tỉnh để tránh đầu tư dàn trải, thiếu hiệu quả gây lãng phí nguồn lực	Đã rà soát, đánh giá các tài nguyên du lịch (cả tự nhiên và nhân văn) tại khu vực Y Tý, Bắc Hà cho thấy, giai đoạn 2021-2030, Lào Cai phấn đấu khu vực Y Tý đạt các tiêu chí Khu du lịch quốc gia; khu vực Bắc Hà phấn đấu cơ bản đạt các tiêu chí Khu du lịch quốc gia và đạt tiêu chí đạt các tiêu chí Khu du lịch quốc gia sau năm 2030
9.10	Về nội dung các ý d và đ, điểm 2.4.1 (trang 186 của Thuyết minh Quy hoạch): đề nghị nghiên cứu các văn bản, đề án của Trung ương để đề xuất các nội dung phù hợp với tỉnh Lào Cai, tránh đề xuất những đề án mang tầm vĩ mô cấp quốc gia, cấp vùng	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
9.11	Tại ý “b. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, các khu, điểm du lịch”, điểm 2.4.2 (các trang 189-190), cần cân đối định hướng xây dựng mới 190 khách sạn tiêu chuẩn 3 sao trở lên trong giai đoạn 2021-2025 và 150 khách sạn tiêu chuẩn 3 sao trở lên trong giai đoạn 2026-2030 tại khu vực Tây Bắc tỉnh Lào Cai	Định hướng thu hút đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch được tính toán kỹ lưỡng trên cơ sở các dự báo về khách du lịch, thị trường khách du lịch, sức chứa lãnh thổ du lịch tỉnh Lào Cai



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	(gồm: Thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và huyện Bát Xát) phù hợp với mục tiêu về số lượng khách du lịch để đảm bảo hiệu quả trong công tác đầu tư	
9.12	Tại Chương II, mục V, tiểu mục 1, điểm “1.5. Quy hoạch phát triển sân golf” (trang 248 của Thuyết minh Quy hoạch): đề nghị cân nhắc định hướng quy hoạch phát triển 15 sân golf (trong đó, 4 sân golf tại thành phố Lào Cai, 4 sân golf tại thị xã Sa Pa và 3 sân golf tại huyện Bát Xát)	Kết cấu hạ tầng kết nối của tỉnh Lào Cai sẽ sớm được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện, đặc biệt là Cảng hàng không Sa Pa; mục tiêu phát triển du lịch của tỉnh trong những năm tới là tập trung phát triển du lịch cao cấp để nâng cao hiệu quả trong phát triển du lịch trong khi sức chứa lãnh thổ du lịch của tỉnh có hạn; tầng lớp trung lưu tỉnh Vân Nam (300 triệu dân) và các tỉnh phía Tây Nam, Trung Quốc tăng nhanh; mục tiêu phát triển du lịch chất lượng cao đòi hỏi cần phát triển du lịch chơi golf... Đây là những căn cứ để Lào Cai đề xuất thu hút đầu tư các sân golf như trong quy hoạch
9.13	Đề nghị bổ sung nội dung “Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và nâng cấp các thiết chế văn hóa” trong các giai đoạn quy hoạch	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
9.14	Về nội dung liên quan đến phát triển hạ tầng và mạng lưới thư viện công cộng, đề nghị điều chỉnh một số nội dung: Giai đoạn 2021-2025: toàn tỉnh duy trì 01 thư viện tỉnh; 09 thư viện huyện; khuyến khích hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện cộng đồng, các tủ sách, phòng đọc sách tại cơ sở...; Giai đoạn 2026-2030: toàn tỉnh duy trì 01 thư viện tỉnh, 9 thư viện huyện...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
9.15	Tại Chương II, mục “XIII. Dự án đầu tư và thứ tự ưu tiên đầu tư” (các trang 439-472): đề nghị rà soát định hướng phát triển các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch tỉnh Lào Cai để bổ sung đầy đủ các dự án ưu tiên đầu tư vào mục này	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
9.16	Tại Phụ lục Quy hoạch: đề nghị bổ sung số liệu liên quan đến hoạt động của các thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh và các số liệu khác liên quan đến hoạt động của	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	ngành văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh Lào Cai	
9.17	Một số ý kiến khác: thống nhất sử dụng cụm từ “tổng thu từ du lịch” thay thế cho khái niệm “doanh thu từ du lịch”; cân nhắc việc sử dụng khái niệm “vùng” tại địa phương để tránh nhầm lẫn với vùng của cả nước...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
9.18	Về thành phần hồ sơ Quy hoạch: đề nghị bổ sung Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ	Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đang được xây dựng theo quy định
<b>10</b>	<b>Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội</b>	
10.1	Đề nghị bổ sung Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược để bảo đảm đầy đủ theo quy định của Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
10.2	Đề nghị bổ sung Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 vào trong Mục IV của Căn cứ lập quy hoạch (trang 4); bỏ căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch.	Đã tiếp thu chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.
10.3	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung về thực hiện chính sách, pháp luật về giải quyết việc làm, tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; các chính sách về bảo đảm đời sống người lao động, nhất là người lao động trong các KCN, KKT cửa khẩu, lao động di cư từ bên ngoài vào tỉnh (tiền lương, thu nhập, nhà ở, công trình phúc lợi xã hội...); vấn đề bình đẳng giới, lồng ghép giới trong thực hiện các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội...	Đã nghiên cứu bổ sung chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.
10.4	Đề nghị đánh giá kỹ hơn về hiện trạng mạng lưới các cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng xã hội (về số lượng cơ sở thuộc mạng lưới, quy mô thiết kế, diện tích đất sử dụng,	Đang nghiên cứu bổ sung chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	quy mô hiện tại và mức độ đáp ứng nhu cầu của cả mạng lưới). Đồng thời, bổ sung đánh giá hiện trạng các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (thuộc Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).	
10.5	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các tiêu chí lựa chọn các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh để bảo đảm việc lựa chọn các ngành được chính xác, gắn với lợi thế của tỉnh, có đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là ngành trọng điểm, mũi nhọn..., tránh việc lựa chọn quá nhiều ngành, dẫn đến việc đầu tư sẽ không tập trung, trọng điểm, dễ dàn trải, hiệu quả không cao như kỳ vọng. Đồng thời, đối với mỗi ngành được lựa chọn đề nghị xem xét, không cần thiết nêu lại các quan điểm phát triển, bối cảnh... mà chỉ xác định định hướng về mục tiêu, nhiệm vụ, tổ chức không gian và đề xuất giải pháp phát triển trong thời kỳ quy hoạch và tầm nhìn đến năm 2050.	
10.6	Đề nghị rà soát, bổ sung định hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp như sau: “Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng mở, linh hoạt, bảo đảm về quy mô gắn với nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành; chú trọng đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động gắn với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế; bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
10.7	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung phương án phát triển cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phù hợp với quy mô, số lượng điều dưỡng người có công của địa phương và các tỉnh, thành phố có nhu cầu; đồng thời, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng (dự kiến trong thời kỳ quy hoạch sẽ thực	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	hiện nâng cấp Trung tâm Điều dưỡng Người có công Sa Pa và xây mới 01 Trung tâm điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai).	
<b>11.</b>	<b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b>	
11.1	Đề nghị tách quan điểm và nguyên tắc lập quy hoạch (trang 3) thành hai nội dung riêng biệt	Bổ cục quy hoạch tỉnh Lào Cai tuân thủ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 về Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
11.2	Đề nghị rà soát lại quan điểm phát triển(1) và quan điểm lập quy hoạch (1) (trang 3) để tránh trùng lặp về nội dung	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
11.3	Về các kịch bản phát triển: đề nghị xem xét bổ sung thêm thế mạnh về du lịch của tỉnh Lào Cai để lồng ghép vào một trong 6 luận cứ đã nêu vì đây là một trong ba cực tăng trưởng kinh tế mà tỉnh Lào Cai đã xác định để tạo nền tảng	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
11.4	Cần bổ sung nội dung về công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trong giai đoạn vừa qua, nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc chuyển giao, đổi mới công nghệ nhằm phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
11.5	Về định hướng phát triển KH&CN: dự thảo Báo cáo chưa nêu được định hướng phát triển KH&CN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
11.6	Về giải pháp phát triển KH&CN (trang 479): Ngoài các giải pháp đã nêu cần lượng hóa một số giải pháp như: tỷ lệ % ngân sách địa phương dành cho KH&CN; dự án đầu tư vào tỉnh phải được thẩm định về công nghệ,...	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
11.7	Về danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (trang 445): nghiên cứu xây dựng, bổ sung một số dự án trong lĩnh vực KH&CN nhằm nâng cao tiềm lực KH&CN của tỉnh	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
<b>12.</b>	<b>Bộ Tư pháp</b>	
12.1	Đề nghị quan tâm giải pháp thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
<b>13.</b>	<b>Bộ Công an</b>	
13.1.	Rà soát bố cục báo cáo quy hoạch tỉnh Lào Cai theo điều 27 Luật Quy hoạch và điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP	Đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa bổ sung đầy đủ
13.2	Cần nhắc nội dung điểm mạnh, điểm yếu “nguồn nhân lực dồi dào, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng nhanh”	<p>- Về nguồn nhân lực dồi dào: Đến năm 2020, lao động trong lĩnh vực nông lâm thủy sản của tỉnh là 267,8 ngàn người; bình quân hàng năm có trên 4 ngàn lao động nông lâm thủy sản dư thừa cần chuyển sang khu vực CN-XD và dịch vụ, với việc tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong những năm tới thì lao động dư thừa từ khu vực nông lâm thủy sản còn tăng cao hơn trong thời kỳ quy hoạch; tỷ suất di cư thuần của tỉnh luôn có giá trị âm, có xu hướng tăng từ -0,2‰ (vùng -1,1‰) năm 2017 lên -2,4‰ (vùng -5,3‰) năm 2020. Do đó, Lào Cai có điểm mạnh là nguồn nhân lực dồi dào.</p> <p>- Nhận định về tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng nhanh: Tốc độ tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh giai đoạn 2016-2020 đạt 5,1%/năm, cao hơn mức tăng bình quân của vùng TDMNPB (3,1%/năm) và cả nước (3,3%/năm).</p>
13.3	Bổ sung nội dung đánh giá về khó khăn, thuận lợi của các doanh nghiệp trên địa bàn; đóng góp của khoa học công nghệ trong sản xuất, đời sống; đánh giá kỹ lưỡng	Đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ các nội dung

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	hiệu quả đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai	
13.4	Nghiên cứu kỹ tính khả thi chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của phương án chọn	Đã rà soát, tính khả thi chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của phương án chọn
13.5	Đề nghị rà soát, bổ sung một số nghị quyết về quốc phòng, an ninh như Nghị quyết 51-NQ/TW ngày 05/9/2019...	Đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ các nội dung
13.6	Bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về quốc phòng, an ninh, phương án sắp xếp không gian phát triển cho hoạt động quốc phòng, an ninh	Nội dung về đảm bảo quốc phòng, an ninh được thể hiện qua phân bố đất khu quân sự, khu an ninh (theo điều 27 Luật Quy hoạch, điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP). Căn cứ vào đó, các đơn vị quốc phòng, an ninh sẽ tổ chức kết cấu hạ tầng để kết nối với bên ngoài. Vì lý do bí mật quốc phòng, an ninh, báo cáo quy hoạch sẽ không thể hiện chi tiết các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về quốc phòng, an ninh, phương án sắp xếp không gian phát triển cho hoạt động quốc phòng, an ninh
13.7	Đề nghị cập nhật nội dung về phòng cháy, chữa cháy trong quy hoạch tỉnh	Nội dung phòng cháy, chữa cháy sẽ được cập nhật bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo quy hoạch phòng cháy, chữa cháy quốc gia (đang triển khai lập); nội dung về phòng cháy, chữa cháy không được quy hoạch trong quy hoạch tỉnh (theo điều 27 Luật Quy hoạch, điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP)
13.8	Bổ sung nội dung thành phần về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	Đang triển khai nội dung về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của Luật

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		Môi trường
<b>14</b>	<b>Ủy Ban dân tộc</b>	
14.1	Cần có đánh giá phân tích sâu về vùng dân tộc thiểu số để làm căn cứ đề xuất phương án phát triển đáp ứng yêu cầu thu hẹp khoảng cách về kinh tế - văn hóa - xã hội	Đã rà soát, đánh giá sâu thêm về các vùng DTTS để làm căn cứ xây dựng phương án các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh (từ trang 269-282)
14.2	Đề xuất bổ sung “phương án phát triển vùng DTTS” vào quy hoạch kết cấu hạ tầng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng theo lãnh thổ	Không bổ sung riêng “phương án phát triển vùng DTTS”, bởi vì: (i) Bộ cục của quy hoạch tỉnh được bám sát vào điều 27 Luật Quy hoạch, điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP; (ii) quy hoạch kết cấu hạ tầng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng theo lãnh thổ đã tính đến nội dung phát triển các vùng DTTS; (iii) Phương án phát triển vùng DTTS đã được thể hiện rõ ở mục. 8. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn (trang 269)
14.3	Bổ sung “Biểu tổng hợp tốc độ phát triển các chỉ tiêu phát triển các ngành, lĩnh vực” so sánh với quy hoạch giai đoạn 2016-2020	Nội dung này đã được thực hiện trong giai đoạn xây dựng Nhiệm vụ lập quy hoạch; nội dung này cũng đã được rà soát, đánh giá trong phần Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; thực trạng sử dụng đất
14.4	Bổ sung mục Phương pháp lập quy hoạch	Đã rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý
14.5	Đề nghị tách phần quan điểm và nguyên tắc lập quy hoạch	Bộ cục quy hoạch tỉnh Lào Cai tuân thủ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 về Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
14.6	Bổ sung mục Mục tiêu cụ thể trong phần mở đầu	Bổ cục quy hoạch tỉnh Lào Cai tuân thủ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 về Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
14.8	Đề nghị đánh giá chi tiết tác động của vị trí địa lý...đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh	Đã được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung đánh giá sâu hơn các yếu tố đặc thù của tỉnh Lào Cai để làm căn cứ xây dựng kịch bản, phương án phát triển trong thời kỳ quy hoạch
14.9	Cập nhật chính xác số liệu về dân cư theo Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019	Theo quy định, các số liệu về kinh tế - xã hội được sử dụng từ nguồn số liệu do tổng cục thống kê cung cấp (niêm giám thống kê tỉnh Lào Cai)
14.10	Đề nghị phân tích sâu hơn về “phát triển kinh tế xanh và bền vững”	Phát triển kinh tế xanh và bền vững là quan điểm, mục tiêu phát triển và được lồng ghép vào phương án phát triển của từng ngành, lĩnh vực
14.11	Cần phân tích đầy đủ các nội dung xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
14.12	Bổ sung giải pháp nâng cao năng suất lao động trong sản xuất công nghiệp	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
14.13	Làm rõ các giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị bản sắc văn hóa, dân tộc	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
14.14	Đề nghị bổ sung một số giải pháp về huy động, sử dụng vốn đầu tư; phát triển nguồn nhân lực; môi trường, khoa học công nghệ; cơ chế chính sách liên kết phát triển	Đã rà soát, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
<b>15.</b>	<b>Bộ Y tế</b>	
15.1	Đề nghị bổ sung và làm rõ một số nội dung: + Phân tích, đánh giá toàn diện thực trạng các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh hiện nay để làm cơ sở đề xuất quy hoạch trong giai đoạn tới. Theo Quyết định số 648/QĐ-	Đã bổ sung, làm rõ theo ý kiến góp ý.



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, các cơ sở y tế bao gồm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y tế dự phòng, y tế công cộng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, kiểm nghiệm, kiểm chuẩn, kiểm định, giám định y tế, sản xuất dược, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị y tế...</p> <p>+ Phân tích, đánh giá thực trạng sự phát triển y tế của tỉnh trong mối quan hệ, liên kết phát triển y tế với các tỉnh trong vùng Trung du miền núi phía Bắc.</p>	
15.2	<p>- Về định hướng phát triển y tế của tỉnh Lào Cai:</p> <p>+ Sự phát triển y tế tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần phù hợp với đặc điểm dân số, dự báo nhu cầu chăm sóc sức khỏe, sự thay đổi của mô hình bệnh tật và sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; xây dựng phương án phát triển và phân bố hệ thống các cơ sở chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trên cơ sở nguyên tắc bảo đảm giữ nguyên các cơ sở hiện có, xây dựng và phát triển thêm các cơ sở mới phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển của tỉnh và gắn kết với mạng lưới y tế vùng, Trung ương.</p> <p>+ Về mục tiêu phát triển y tế giai đoạn 2021-2030: Đề nghị nhấn mạnh sự phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe và y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình. Chú trọng đến các vấn đề về kiểm dịch biên giới.</p>	Đã bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.
15.3	<p>Về phát triển hạ tầng y tế:</p> <p>+ Trong thời kỳ 2021-2030, tỉnh Lào Cai có kế hoạch nâng cấp và hoàn thiện bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện và các bệnh viện chuyên khoa hiện có. Tuy nhiên trong phần đánh giá thực trạng mới mô tả và nhận định chung, chưa phân tích cụ thể số liệu chuyển tuyến của một số chuyên khoa như chấn thương, tim mạch, sản nhi, ung bướu, y học cổ truyền..., công suất sử dụng giường bệnh thực tế, cơ sở hạ tầng, nhân lực y tế của các bệnh viện hiện nay trong mối tương quan với dự báo mô hình bệnh tật trong giai đoạn tới, từ đó có cơ sở thuyết phục hơn để đề xuất</p>	Đã bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>các dự án đầu tư và và quy mô đầu tư cho phát triển các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.</p> <p>+ Lưu ý đối với các bệnh viện đề xuất mở rộng quy mô giường bệnh phải gắn với tăng diện tích sàn xây dựng để tránh quá tải, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn xây dựng trong ngành y tế.</p>	
15.4	<p>Đề nghị cần tiếp tục cập nhật thông tin để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Quy hoạch của tỉnh với Quy hoạch mạng lưới y tế cơ y tế thời kỳ 2021-2020, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch vùng.</p>	<p>Lào Cai luôn bám sát Quy hoạch mạng lưới y tế cơ y tế thời kỳ 2021-2020, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch ngành quốc gia khác.</p>
<b>16.</b>	<b>Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>	
16.1	<p>Đề nghị nghiên cứu biên tập lại nội dung mục Tiểu mục 4 Mục IV Chương I. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo, cấu trúc sắp xếp theo từng cấp học và trình độ đào tạo cho hợp lý.</p>	<p>Đã biên tập lại các mục nội dung này theo ý kiến góp ý.</p>
16.2	<p>Đề nghị bổ sung số liệu về tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1, phòng học tạm, nhờ, mượn, học 2 buổi/ngày; tỉ lệ phòng học kiên cố; tỉ lệ học sinh bỏ học; các số liệu về giáo viên (tổng số, tỉ lệ giáo viên/lớp, số lượng giáo viên đạt chuẩn đào tạo,...).</p>	<p>Đã bổ sung một số số liệu này theo ý kiến góp ý.</p>
16.3	<p>Đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá đối với giáo dục đại học (vai trò, vị trí của các trường/phân viện đại học đặt tại tỉnh đối với phát triển tỉnh, sự phù hợp, cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo, chất lượng đào tạo so với/mức độ đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh,); giáo dục thường xuyên, giáo dục dân tộc; giáo dục chuyên biệt cho cho học sinh khuyết tật hoặc các trường lớp chuyên biệt cho học sinh khuyết tật.</p>	<p>Đã bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.</p>
16.4	<p>Đề nghị bổ sung nội dung phân tích, đánh giá về những khó khăn, hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo từng vấn đề</p>	<p>Đã bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.</p>
16.5	<p>Tại Tiểu mục 5 Mục IV Chương I. Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh: Đề nghị bổ sung đánh giá nhu cầu, hiện trạng và hiệu quả sử</p>	<p>Đã bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	dụng đất đai dành cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	
16.6	Nội dung 2.1 tiêu mục 2 Mục V Chương I. Cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo: Đề nghị bổ sung những phân tích, đánh giá chi tiết hơn về hiện trạng hệ thống công trình giáo dục và đào tạo; đánh giá sự liên kết, đồng bộ, sự phù hợp của hệ thống công trình giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh và với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác của tỉnh	Đã bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.
16.7	Đề nghị bổ sung đánh giá mạng lưới trường theo cấp học đến từng xã (phường) để thấy rõ hơn bức tranh mạng lưới trường lớp; chỉ rõ thừa thiếu trường lớp ở từng xã (phường) so với quy mô dân số và quy định về phân bố mạng lưới trường lớp làm căn cứ, cơ sở quy hoạch; đánh giá các nguyên nhân của hạn chế, yếu kém, các yếu tố tác động đến mạng lưới trường, lớp giai đoạn 2011 - 2020.	Quy hoạch tỉnh là quy hoạch mang tính tổng thể, trong đó xác định những nội dung lớn, mang tính chất tổng thể ngành. Nội dung đánh giá thực trạng mạng lưới trường học của tỉnh đã được tổng hợp từ cấp xã lên nhưng không thể hiện đánh giá chi tiết đến từng xã.
16.8	Nội dung 2.1.2. Cơ sở hạ tầng giáo dục nghề nghiệp: Đề nghị lưu ý Phân hiệu Đại học Thái Nguyên là cơ sở giáo dục đại học và không nằm trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Do vậy, đề nghị tách trình bày riêng một mục về cơ sở hạ tầng giáo dục đại học.	Đã tách phần mục và bổ sung nội dung như ý kiến góp ý.
16.9	Đề nghị bổ sung nội dung phân tích đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, khó khăn, thách thức đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
16.10	Đề nghị nghiên cứu bổ sung phân tích, đánh giá một số thách thức như tỷ lệ hộ nghèo cao, dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, cơ cấu kinh tế chưa hiện đại, chuyển dịch chậm; những tác động của các vấn đề xã hội đang tiếp tục ảnh hưởng xấu đến xã hội,... ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh để có căn cứ xây dựng quy hoạch tỉnh phù hợp trong giai đoạn tới.	Đã nghiên cứu, bổ sung theo ý kiến góp ý.
16.11	Đề nghị rà soát, nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo là một trong các vấn đề ưu tiên cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh.	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
16.12	Đề nghị bổ sung căn cứ, phương pháp tính toán các dự báo.	Đã bổ sung nội dung này theo ý kiến góp ý.
16.13	Đề nghị nêu rõ tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học riêng biệt	Đã bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.
16.14	Đề nghị bổ sung làm rõ nét hơn về việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục đại học trong khu đô thị hiện hữu, trong các khu vực phát triển mới và các khu công nghiệp (nếu có); bổ sung nội dung liên quan đến việc định hướng bố trí cho các cơ sở giáo dục, đào tạo và có phương án bố trí quỹ đất đảm bảo đáp ứng các quy định hiện hành tương ứng với các kịch bản phát triển.	Nội dung quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục đại học đã có tính đến các yếu tố này.
16.15	Nội dung 2.2 tiểu mục 2 Mục VI Chương II. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo: Đề nghị bổ sung thêm quan điểm của tỉnh đối với phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo trong giai đoạn quy hoạch tới; nghiên cứu bổ sung định hướng, xác định mục tiêu xã hội hóa giáo dục và đào tạo bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập, ưu tiên bố trí quỹ đất để kêu gọi xã hội hóa phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
16.16	Nội dung 2.2.1. Mục tiêu phát triển: Đề nghị bổ sung làm rõ tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học riêng biệt đối với mỗi giai đoạn; mục tiêu về giáo viên (1) tăng số lượng giáo viên để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên và (2) nâng tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
16.17	Bổ sung mục tiêu phát triển giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học (phân hiệu của đại học Thái Nguyên) để đảm bảo nhất quán, phù hợp giữa mục tiêu phát triển với phương án phát triển quy mô, mạng lưới trường, lớp học đã được đề cập tại nội dung 2.2.2.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
16.18	Nội dung 2.2.1. Phương án phát triển quy mô mạng lưới trường lớp: Đề nghị rà soát lại các số liệu, mục tiêu về trường đạt chuẩn quốc gia tại toàn văn bản đảm bảo thống nhất, chính xác và tách biệt tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cho từng cấp học.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
16.19	Đề nghị chỉnh sửa bỏ nội dung : "...xây dựng các trường chất lượng cao" đối với mỗi cấp học tại các nội dung (1), (2), (3), (4) để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành. Do Luật Giáo dục và các văn bản quy định hiện hành hiện nay không có quy định về mô hình trường chất lượng cao.	Đã điều chỉnh nội dung này như ý kiến góp ý.
16.20	Nội dung b) Giáo dục nghề nghiệp: Đề nghị tách trình bày riêng một mục về phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục đại học	Đã tách nội dung như ý kiến góp ý.
16.21	Đề nghị bổ sung quy hoạch, phương án phát triển hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm: trung tâm GDTX, trung tâm GDNN- GDTX, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm ngoại ngữ, tin học và các trung tâm khác để đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân, đáp ứng yêu cầu của Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030.	Đã bổ sung nội dung như ý kiến góp ý.
16.22	Đề nghị nghiên cứu quan tâm đến việc quy hoạch để có ít nhất một trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Đang nghiên cứu theo ý kiến góp ý.
16.23	Đề nghị bổ sung định hướng sử dụng đất giáo dục và đào tạo; làm rõ nét hơn định hướng đất cho cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục đại học	Nội dung định hướng sử dụng đất giáo dục và đào tạo đã có trong nội dung về quy hoạch sử dụng đất trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
16.24	Nội dung 4.2. Giải pháp về chính sách: Đề nghị bổ sung giải pháp xác định và phát triển quỹ đất sạch, đầu tư hạ tầng, xã hội hóa cho giáo dục và đào tạo.	Đã bổ sung nội dung như ý kiến góp ý.
16.25	Mục VIII Chương II. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện: Đề nghị rà soát, bổ sung phương án quy hoạch, định hướng phát triển với hạ tầng giáo dục và đào tạo vùng liên huyện, vùng huyện đối vùng thành phố Lào Cai, vùng huyện Bát Xát, Văn Bàn, Bắc Hà	Đã bổ sung các nội dung này theo ý kiến góp ý. Nội dung này có trong phần về Vùng huyện, Vùng liên huyện.
16.26	Mục III Bảng 16 Mục XIII Về danh mục dự án lĩnh vực giáo dục và đào tạo: đề nghị bổ sung chi tiết các dự án đầu tư lĩnh vực giáo dục và đào tạo phân kỳ đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 và 2025-2030.	Danh mục các dự án đầu tư lĩnh vực giáo dục đào tạo đã có trong bảng Danh mục dự án đầu tư công.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
16.27	Mục II Chương III. Nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực: Đề nghị cần cụ thể hóa các giải pháp và có các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi; bổ sung giải pháp xác định và phát triển quỹ đất sạch, đầu tư hạ tầng, xã hội hóa, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, hợp tác quốc tế ... cho giáo dục và đào tạo.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
<b>17.</b>	<b>Bộ Nội vụ</b>	
17.1	Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai nghiên cứu, bổ sung nội dung về đánh giá thực trạng, cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong Quy hoạch tỉnh. Đồng thời, do đây là nội dung quan trọng, liên quan trực tiếp đến chủ trương mới của Đảng, đề nghị UBND tỉnh Lào Cai sau khi xây dựng phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nêu trên, gửi lấy ý kiến Bộ Nội vụ trước khi trình Hội đồng thẩm định.	Đã nghiên cứu, bổ sung theo ý kiến góp ý.
17.2	Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai bổ sung, rà soát, hoàn thiện các nội dung dự thảo Quy hoạch, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19- NQ/TW và quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.	Đã rà soát theo ý kiến góp ý.
17.3	Tại khoản 4.1 Phần IV Chương I “Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo”: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	Đã bổ sung đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ý kiến góp ý.
17.4	Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị, nông thôn trên địa bàn và chỉnh sửa tên của khoản “Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị và các điểm dân cư nông thôn”	Đã bổ sung nội dung như ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
17.5	Tại Phần IV Chương II “Phương án quy hoạch hệ thống đô thị”: Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai rà soát, chỉnh sửa phương án quy hoạch hệ thống đô thị cho phù hợp với chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật về tổ chức và sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm không tăng số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trực thuộc	Đã rà soát nội dung này như ý kiến góp ý.
17.6	Định hướng thành lập thị xã Bảo Thắng gồm 07 phường và 04 xã trên cơ sở 02 thị trấn và 07 xã, tăng 02 đơn vị hành chính cấp xã là chưa phù hợp với chủ trương của Đảng (tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã và tinh thần Đại hội XIII)	Đang rà soát lại vấn đề này theo ý kiến góp ý.
17.7	Khoản 2 Phần IV Chương III “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành”: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các giải pháp về đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bám sát các nội dung, định hướng về công tác cải cách hành chính trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.	Đang rà soát, điều chỉnh, bổ sung.
17.8	Đề nghị rà soát, bảo đảm chính xác và thống nhất số liệu về dân số người dân tộc, tỷ lệ dân số là người dân tộc.	Đã rà soát, thống nhất lại số liệu.
<b>18</b>	<b>Bộ Xây dựng</b>	
18.1	Đề nghị bổ sung Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.2	Cần làm rõ việc thực hiện, quản lý các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị,	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	nông thôn đã được phê duyệt; các dự án đầu tư bất động sản, xây dựng hạ tầng đô thị, các dự án chính sách ưu tiên phát triển trọng điểm đến 2020. Xác định các khó khăn trong quá trình thực hiện theo quy hoạch xây dựng và nguyên nhân.	
18.3	Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá thực trạng về phát triển đô thị thông minh, bền vững, tăng trưởng xanh, thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị xác định tại Quy hoạch xây dựng vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lào Cai đến năm 2030. Xác định những vấn đề trọng tâm cần giải quyết về phát triển đô thị và nông thôn.	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.4	Bổ sung đánh giá thực trạng nhà ở tại khu vực đô thị và nông thôn; kết quả thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Lào Cai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.5	Bổ sung đánh giá hiện trạng về công nghiệp xây dựng, định hướng phát triển ngành xây dựng.	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.6	Rà soát, bổ sung nghiên cứu dự báo tốc độ đô thị hóa của tỉnh theo từng giai đoạn đến năm 2030. Đề nghị rà soát hệ thống đô thị đảm bảo thống nhất với kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021- 2030 (Quyết định số 241/ QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ)	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.7	Đề nghị rà soát, nghiên cứu phương án quy hoạch hệ thống đô thị phù hợp với việc hình thành và phát triển 01 cực phát triển kinh tế tổng hợp tại thành phố Lào Cai và 03 cực tăng trưởng.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.8	Đối với định hướng phát triển thành phố Lào Cai: Đề nghị phân tích đánh giá và làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất kịch bản thành phố Lào Cai đạt tiêu chí đô thị loại I đến năm 2025 và hoàn thành đô thị thông minh vào năm 2040.	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.9	Việc đề xuất định hướng thành lập mới thêm 04 phường: Hoàng Liên, Mường Bo, Tả Van và Tả Phìn vào nội thị Sa Pa cần đảm bảo cơ sở khoa học và thực tiễn;	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	cần lưu ý đến khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến du lịch sinh thái, bản sắc văn hóa, kiến trúc truyền thống, đất sản xuất nông, lâm nghiệp tại các xã.	
18.10	Định hướng phát triển thị xã Sa Pa (Khu du lịch quốc gia Sa Pa): bổ sung nguyên tắc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, lợi thế về điều kiện tự nhiên (khí hậu, cảnh quan); bảo đảm quốc phòng, an ninh ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai và bảo vệ môi trường.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.11	Đề nghị bổ sung nguyên tắc bảo vệ, phát triển rừng ở Sa Pa.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý về định hướng bảo vệ, khôi phục không gian xanh ở từng khu vực trong quy hoạch đô thị của Sa Pa.
18.12	Đối với các đô thị khác trong tỉnh: Đề nghị việc định hướng phát triển không gian, nâng cấp đô thị phải đảm bảo nâng cao chất lượng sống đô thị và bảo vệ tài nguyên môi trường.	Đã rà soát, điều chỉnh theo ý kiến góp ý.
18.13	Về định hướng phát triển nông thôn: Đề nghị khoanh vùng, xác định các khu vực có khả năng bị ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt, sạt lở đất. Có giải pháp định hướng giảm thiểu khắc phục các tác động tiêu cực do thiên tai và biến đổi khí hậu.	Nội dung như ý kiến góp ý đã có trong phần về Phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
18.14	Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung về phát triển nhà ở	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.15	Về hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường: Đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng hạ tầng kỹ thuật về thoát nước và xử lý nước thải, hiện trạng về đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, các chỉ tiêu về cây xanh, công viên vườn hoa công cộng tại các đô thị cũng như của tỉnh. Bổ sung đánh giá hiện trạng về chất thải công nghiệp nguy hại, các khu xử lý chất thải nguy hại và đánh giá công tác quản lý thu gom đối với chất thải trên địa bàn tỉnh.	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.16	Bổ sung làm rõ mối liên kết hệ thống giao thông đường không, đường bộ, đường thủy và đường sắt. Nghiên cứu các giải pháp thoát nước theo mô hình thoát nước ben vưng, hệ thống hồ điều hòa khu vực đô thị và hồ trữ nước dự phòng phục vụ	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	cho mục đích sinh hoạt.	
18.17	Bổ sung phương án tính toán cấp nước cho phát triển công nghiệp và dịch vụ du lịch giai đoạn 2021-2030.	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.18	Bổ sung chỉ tiêu cấp nước sạch đô thị và nông thôn (đảm bảo đô thị 100% người dân được cấp nước sạch sinh hoạt và trên 70% người dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch)	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.19	Bổ sung chỉ tiêu về hệ thống xử lý chất thải và tỷ lệ thu gom, xử lý đối với chất thải công nghiệp, đặc biệt là chất thải nguy hại phát sinh	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.20	Nghiên cứu định hướng lựa chọn tiêu chí, công nghệ xử lý nước thải và phương án xử lý bùn thải, định hướng các công trình xử lý nước thải vào hệ thống bán đồ quy hoạch tỉnh Lào Cai. Dự báo khối lượng chất thải rắn phát sinh hoạt, định hướng công nghệ xử lý chất thải rắn, khu xử lý chất thải liên huyện	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.21	Bổ sung phương án phát triển cơ sở hạ tầng về nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ, đảm bảo nhu cầu sử dụng và phù hợp với phong tục tập quán của nhân dân.	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.22	Về phát triển vật liệu xây dựng: Đề nghị cập nhật các nội dung, quan điểm, mục tiêu trong “Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Đang rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý.
18.23	Đề nghị xem xét cơ sở, sự cần thiết việc hình thành 15 sân golf trên toàn tỉnh.	Đang nghiên cứu điều chỉnh theo ý kiến góp ý.
<b>B.</b>	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH TRONG VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC</b>	
<b>1.</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái</b>	
1.1	Tại Mục 2.3.1. Định hướng phát triển các khu, điểm du lịch Đề nghị nghiên cứu thêm các định hướng về phối hợp phát triển các sản phẩm du lịch, tour tuyến du	Đang nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	lịch mới kết nối hai tỉnh Lào Cai - Yên Bái như du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh (Tour du lịch tâm linh Đền Đông Cuông - Nhược Sơn - Bảo Hà - Đền Thượng; Tour du lịch khám phá khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hầu (tỉnh Yên Bái), chinh phục đỉnh Fansipan (tỉnh Lào Cai)...).	
1.2	Tại Mục 2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện: Đề nghị nghiên cứu thêm các nội dung về định hướng phát triển hạ tầng giao thông kết nối giữa tỉnh Yên Bái và tỉnh Lào Cai tại các huyện giáp ranh, như: huyện Bảo Yên (tỉnh Lào Cai) với huyện Lục Yên (tỉnh Yên Bái); huyện Văn Bàn (tỉnh Lào Cai) với huyện Văn Yên, huyện Mù Cang Chải (tỉnh Yên Bái);	Nội dung quy hoạch phát triển giao thông đã có các tuyến kết nối với các huyện của Yên Bái giáp với Lào Cai.
<b>2.</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang</b>	
2.1	Tại Mục 2. Phát triển du lịch, phần III, chương II: Đề nghị bổ sung nội dung về định hướng liên kết vùng: “Tăng cường nguồn lực triển khai các chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa TP Hồ Chí Minh và 08 tỉnh Tây Bắc mở rộng giai đoạn 2020-2025, trong đó tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, sản phẩm du lịch, kết nối các sự kiện liên vùng để đẩy mạnh khai thác có hiệu quả các tuyến du lịch liên vùng với các tỉnh giáp danh như tuyến Bắc Hà — Xín Mần (Hà Giang), Bảo Yên - Quang Bình (Hà Giang)”.	Đang nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.2	Đối với Vùng 4 - Vùng kinh tế phía Nam dọc QL 279 - địa phận giáp Hà Giang nghiên cứu hình thành liên kết vùng phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững; phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trong đó chú trọng phát triển một số nông sản đặc hữu, công nghiệp chế biến nông lâm sản; bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dược liệu dưới tán rừng.	Phù hợp với ý kiến góp ý của tỉnh Hà Giang, Lào Cai cũng đã quy hoạch khu vực này là khu vực lâm nghiệp tại nội dung về lâm nghiệp (khu vực Bảo Yên, Si Ma Cai)
2.3	Đề nghị tỉnh Lào Cai nghiên cứu, bổ sung các phương án, giải pháp cụ thể hơn trong dự thảo Quy hoạch nhằm thu hút đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông và phát triển đô thị, cụm dân cư nông thôn trên tuyến Quốc lộ 279 và Quốc lộ 4 (kết nối với các địa phương của tỉnh Hà Giang), tạo chuỗi liên kết trong phát triển du lịch,	Lào Cai đã xác định phương án phát triển hạ tầng giao thông và phát triển đô thị, cụm dân cư nông thôn trên tuyến Quốc lộ 279 và Quốc lộ 4 kết nối với các địa phương của tỉnh Hà Giang như ý kiến

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	thương mại giữa 2 tỉnh Lào Cai và Hà Giang.	góp ý. Nội dung cụ thể được xác định tại mục quy hoạch Vùng huyện Bảo Yên.
2.4	Đề nghị xem xét, đưa vào kế hoạch hạ tầng khai thác tiềm năng phát triển thương mại biên giới khu vực Chợ mốc 172 {giáp danh xã Pà vầy Sủ huyện Xín Mần và huyện Si Ma Cai). Hiện nay huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang đã có Quy hoạch chi tiết phát triển Chợ mốc 172; tiến tới nâng cấp thành lối mở với huyện Mã Quan, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.	Đang nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.
2.5	Tiếp tục quan tâm đầu tư các tuyến đường có tính liên kết vùng với tỉnh Hà Giang (đường xã Bản Liên giáp danh với xã Nà Chì huyện Xín Mần; đường đi xã Tả Củ Tỷ, giáp danh với xã Bản Ngò huyện Xín Mần) để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của hai địa phương.	Đang nghiên cứu bổ sung một số tuyến đường theo ý kiến góp ý.
2.6	Đề nghị bổ sung Quy hoạch nâng cấp tuyến quốc lộ 4 nối tỉnh Lào Cai với tỉnh Hà Giang.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
	Đề nghị rà soát, lựa chọn ngành nghề đào tạo đối với nguồn nhân lực của tỉnh đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm.	Đã bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.
<b>3.</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu</b>	
3.1	Đối với phần đánh giá thực trạng mạng lưới đường bộ: Phần đánh giá thực trạng QL279 đi qua địa phận 9 tỉnh không có địa phận tỉnh Lai Châu, đề nghị nghiên cứu bổ sung.	Đã bổ sung theo ý kiến góp ý.
3.2	Để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội giữa hai tỉnh, tăng cường khả năng kết nối và đồng bộ giữa quy hoạch của hai tỉnh, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành, tỉnh Lai Châu đang cho lập quy hoạch bổ sung đối với 02 tuyến hầm Đường bộ qua đèo Hoàng Liên/Ô Quý Hồ trên tuyến QL4D và Hầm đường bộ qua đèo Khau Co trên tuyến QL279 và đề nghị UBND tỉnh Lào Cai quan tâm, bổ sung 02 tuyến hầm vào quy hoạch của tỉnh.	Đang nghiên cứu bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
3.3	<p>Đối với dự án kết nối từ xã Dền Sáng (huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) - Sin Súi Hồ (huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu): đơn vị tư vấn đang đề xuất đầu tư giai đoạn sau năm 2030. Đây là tuyến nằm trong hệ thống đường hành lang biên giới Việt - Trung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc đầu tư tuyến đường sẽ tạo thành một hệ thống đường vành đai biên giới liên hoàn, có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh cho hai tỉnh Lai Châu và Lào Cai. Theo nội dung dự thảo Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa 2 tỉnh Lai Châu - Lào Cai giai đoạn 2021-2025 cũng đã xác định đây là một trong những nội dung hợp tác về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Do đó, đề nghị UBND tỉnh Lào Cai xem xét, quy hoạch đầu tư vào giai đoạn 2021 - 2030.</p>	<p>Đang nghiên cứu bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.</p>
3.4	<p>Về đường sắt: Theo nội dung dự thảo Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa 2 tỉnh Lai Châu-Lào Cai giai đoạn 2021-2025 đã xác định tuyến đường sắt Văn Bàn - Than Uyên - Lai Châu, tuy nhiên theo dự thảo quy hoạch của phía Lào Cai cũng chưa có nghiên cứu về tuyến đường sắt này. Do đó, đề nghị UBND tỉnh Lào Cai xem xét bổ sung vào quy hoạch.</p>	<p>Đang bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.</p>
<b>4.</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang</b>	
4.1	<p>Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai quan tâm tới các phương án phát triển mang tính kết nối liên tỉnh, liên vùng trong Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Lào Cai đặt vấn đề phát triển mang tính kết nối liên tỉnh, liên vùng là một trong những trọng tâm phát triển của tỉnh, thể hiện trong các phương án phát triển hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không, du lịch, nông nghiệp...</p>
<b>5.</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn</b>	
5.1	<p>Đề nghị tỉnh Lào Cai quan tâm bổ sung các nội dung về hợp tác liên kết vùng giữa các tỉnh trong cùng khu vực vào trong quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của vùng trên tinh thần hợp tác và chia sẻ, tạo sức lan tỏa, đặc biệt là việc phối hợp mang tính chiến lược dài hạn, tương quan trong khu vực miền núi biên giới như: cụ thể hóa các chủ trương chính sách phát triển các tỉnh khu</p>	<p>Đang nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	vực các tỉnh miền núi biên giới; thống nhất kiên nghị với với trung ương về những vấn đề tương đồng giữa các tỉnh miền núi biên giới, có điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xuất phát điểm kinh tế thấp; đặc biệt là việc hợp tác liên vùng về xây dựng các chương trình vận động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch, thương mại, logistic, nhằm thúc đẩy hài hòa phát triển chung giữa các tỉnh trong Vùng Trung du miền núi phía Bắc.	
5.2	Đề nghị bổ sung thêm trong quy hoạch tỉnh các kịch bản dự phòng, trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh cơ chế chính sách từ phía Trung Quốc (nếu có)	Đang nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.
5.3	Đề nghị quan tâm bổ sung các tỉnh trong việc phối hợp xây dựng các điểm, tour, tuyến du lịch để quảng bá, thu hút đầu tư và khách du lịch trong và ngoài nước với các tỉnh trong vùng Trung du miền núi phía Bắc như: Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang...	Liên quan đến xây dựng, liên kết các tour, tuyến, điểm du lịch kết nối với các tỉnh trong Vùng TDMNPB, Quy hoạch tỉnh Lào Cai đã bổ sung định hướng về tổ chức hội chợ thương mại, dịch vụ, du lịch cấp vùng và cả nước tại Lào Cai, đồng thời đã có giải pháp về hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tham gia các hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh nhằm tăng cường kết nối, tìm kiếm thị trường khách du lịch, thị trường tiêu thụ nông sản cũng như thu hút đầu tư.
<b>6.</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang</b>	
6.1	Tại Mục 2.3 (trang 57): Đánh giá thực trạng phát triển một số ngành dịch vụ: Bổ sung số liệu năm 2020, phân tích đánh giá VA-GO toàn ngành dịch vụ thời kỳ 2010-2020; trong đó phân tích bổ sung một số ngành dịch vụ chủ lực của tỉnh Lào Cai.	Đang nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.
6.2	Tại Phần III (từ trang 173): Mục 4, 5: Đề nghị bổ sung số liệu phân tích VA, GO định hướng của ngành trong thời kỳ 2021-2030, cho logic với nội dung đã được đánh giá ở phần hiện trạng.	Đang nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
6.3	Bổ sung hệ thống bảng số liệu của các ngành, lĩnh vực giai đoạn 2010-2020 trong phần đánh giá hiện trạng	Đang nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.
6.4	Bổ sung hệ thống bản đồ hiện trạng và phương án phát triển của các ngành lĩnh vực theo quy định, quy chuẩn đúng tỷ lệ	Đang nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.
<b>7</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên</b>	
7.1	Đề nghị tỉnh Lào Cai kịp thời cập nhật các định hướng của quy hoạch cấp trên để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ theo quy định	Đã tiếp thu ý kiến góp ý.
<b>8</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Cạn</b>	
8.1	Tại Mục IV, Phần Mở đầu về căn cứ lập quy hoạch: Đề nghị bổ sung một số văn bản pháp luật về các chuyên ngành.	Đã bổ sung một số văn bản quy định về ngành, lĩnh vực theo ý kiến góp ý.
8.2	Đề nghị bổ sung nội dung phân tích, đánh giá "Vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia" theo quy định tại Điều c Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của 'chính phủ.	Bản cập nhật mới của Quy hoạch tỉnh Lào Cai đã bổ sung nội dung này.
8.3	Tại Tiểu mục 2.1.2, Mục 2, Phần IV, Chương I về thực trạng phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: Đề nghị bổ sung kết quả triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới và Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Bộ Tiêu chí giám sát, đánh giá đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017.	Bản cập nhật mới của Quy hoạch tỉnh Lào Cai đã bổ sung nội dung này.
8.4	Tại Mục 2, Phần IV, Chương I về đánh giá thực trạng phát triển các ngành kinh tế: Đề nghị bổ sung nội dung phân tích, đánh giá "Thực trạng phát triển ngành xây dựng"	Đã nghiên cứu, bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.
8.5	Tại Phần IV, Chương II về Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội: Đề nghị bổ sung nội dung "Xây dựng phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia" theo quy định tại Điều b	Đã nghiên cứu, bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	Khoản 5 Điều 28 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.	
8.6	Đề nghị rà soát, cập nhật số liệu về diện tích đất lâm nghiệp dự kiến đến năm 2030 để phù hợp với thời kỳ quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.	
8.7	Đề nghị cập nhật bổ sung Phụ lục của báo cáo để thống nhất với nội dung báo cáo.	Đã nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.
8.8	Mục 2, Chương IV về giải pháp phát triển khoa học và công nghệ: Dự thảo báo cáo thuyết minh nêu: “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện dự án đổi mới khoa học công nghệ...”. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa thành như sau: “Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện các dự án ứng dụng khoa học - công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Chuyển giao kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án cho doanh nghiệp sử dụng và định hướng hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ”.	Quy hoạch tỉnh Lào Cai có giải pháp phù hợp với ý kiến góp ý.
8.9	Đề nghị xem xét bổ sung giải pháp: “Đẩy mạnh việc tạo lập các quỹ, trong đó quan tâm tạo lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh để làm tốt vai trò cầu nối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và doanh nghiệp có nhu cầu vốn để thực hiện các dự án lớn về chuyển giao công nghệ”.	Quy hoạch tỉnh Lào Cai có giải pháp phù hợp với ý kiến góp ý.
<b>9</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên</b>	
9.1	Sau khi nghiên cứu dự thảo báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các nội dung đề xuất và tài liệu có liên quan; UBND tỉnh Điện Biên nhất trí với bố cục và nội dung của dự thảo và không có ý kiến bổ sung	Đã tiếp nhận ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.
<b>10</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ</b>	
10.1	Quy hoạch tỉnh Lào Cai cần đặt nội dung nghiên cứu các ngành, lĩnh vực, nhất là lĩnh vực thương mại trong mối liên hệ với các địa phương phía Bắc, đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc.	Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030 đã đặc biệt chú trọng định hướng phát triển logistics và đã đưa logistics là ngành quan trọng hàng đầu



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		của tỉnh, đồng thời các giải pháp đã chú trọng đến liên kết vùng trong phát triển.
10.2	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số nội dung về liên kết phát triển trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, hợp tác phát triển du lịch, kết nối hệ thống logistic, ICD để chế biến, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc các sản phẩm chủ lực của Vùng Trung du và miền núi phía Bắc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về liên kết, kết nối hệ thống logistics, ICD, Quy hoạch tỉnh Lào Cai đã chú ý quy hoạch các khu logistics, trong đó có khu logistics phục vụ hoạt động thương mại dịch vụ cửa khẩu và logistics phục vụ các khu công nghiệp.</li> <li>- Về liên kết phát triển du lịch, Lào Cai đã chú ý liên kết phát triển du lịch với các tỉnh lân cận thông qua hình thành tour du lịch bằng đường bộ với Hà Giang, Yên Bái, Lai Châu, đồng thời khi sân bay Sa pa hình thành, các điểm du lịch của Lào Cai có thể kết nối đến thị trường các tỉnh xa hơn trong cả nước và thị trường quốc tế.</li> <li>- Về liên kết phát triển nông nghiệp, Quy hoạch tỉnh Lào Cai đã chú ý đến liên kết về vùng nguyên liệu gỗ các tỉnh dọc QL.279, cao tốc Hà Nội – Lào Cai.</li> </ul>
10.3	Đề nghị tỉnh Lào Cai quan tâm quy hoạch và phát triển các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là quy hoạch hệ thống hạ tầng đối ngoại giai đoạn 2021 - 2030 (giao thông đường bộ, đường thủy, hệ thống cảng đường sông, hệ thống hạ tầng lưới điện,...) theo hướng tăng cường liên kết, hỗ trợ phát triển các địa phương nội vùng và các địa phương thuộc vùng tiếp giáp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lào Cai đã hợp tác với các tỉnh lân cận gồm Lai Châu, Hà Giang, Yên Bái trong kết nối các tuyến đường tỉnh, đường huyện, nhất trí hợp tác xây dựng hầm với các tỉnh liền kề.</li> <li>- Lào Cai đã đưa vào quy hoạch tỉnh một số tuyến giao thông quốc gia quan trọng kết nối tỉnh với các tỉnh lân cận như Lai Châu (cao tốc Lào Cai – Lai Châu), và mở rộng quốc lộ 70, quốc lộ 4D kết nối Lào Cai với Yên Bái. Khi các tuyến giao thông quan trọng này được nâng cấp, mở rộng sẽ cùng với liên kết các tuyến đường tỉnh thúc đẩy</li> </ul>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		giao thương, liên kết giữa các tỉnh trong vùng với nhau và kết nối đến các tỉnh xa hơn nữa.
<b>11</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình</b>	
11.1	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung, so sánh các chỉ tiêu chủ yếu của tỉnh Lào Cai với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc cũng như cả nước để đề ra các định hướng, chỉ tiêu phù hợp nhằm đạt được mục tiêu lập quy hoạch của tỉnh là đến năm 2025 tiếp tục là tỉnh phát triển của vùng TDMNPB; Đến năm 2030, Lào Cai là tỉnh phát triển khá của cả nước và trở thành tỉnh phát triển toàn diện của cả nước vào năm 2050.	Đã tiếp thu ý kiến góp ý.
<b>12</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng</b>	
12.1	Sau khi xem xét, nghiên cứu đối với Dự thảo báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Lào Cai được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhất trí với nội dung bản dự thảo Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Đã tiếp nhận ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.
<b>13</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La</b>	
13.1	Bổ sung các nội dung về hợp tác liên kết vùng giữa các tỉnh trong cùng khu vực vào trong quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của vùng trên tinh thần hợp tác và chia sẻ, tạo sức lan tỏa trong việc khai thác chủ trương, chính sách liên kết phát triển vùng kinh tế của Chính phủ, đặc biệt là việc phối hợp mang tính chiến lược dài hạn, tương quan trong khu vực miền núi biên giới như: cụ thể hóa các chủ trương chính sách phát triển các tỉnh khu vực các tỉnh miền núi biên giới; thống nhất kiến nghị với với trung ương về những vấn đề tương đồng giữa các tỉnh miền núi biên giới, có điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xuất phát điểm kinh tế thấp; đặc biệt là việc hợp tác liên vùng về xây dựng các chương trình vận	Đã tiếp thu ý kiến góp ý.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch, thương mại, logistisc, nhằm thúc đẩy hài hòa phát triển chung giữa các tỉnh trong Vùng Trung du miền núi phía Bắc	
13.2	Bổ sung thêm trong quy hoạch tỉnh các kịch bản dự phòng, trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh cơ chế chính sách từ phía Trung Quốc (nếu có)	Đã tiếp thu ý kiến góp ý.
13.3	Nội dung quy hoạch đã đề cập trong việc liên kết phát triển du lịch vùng, liên vùng giữa các tỉnh khác như: Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh trong việc phối hợp xây dựng các điểm, tour, tuyến du lịch để quảng bá, thu hút đầu tư và khách du lịch trong và ngoài nước; tuy nhiên còn một số các địa phương các tỉnh trong vùng Trung du miền núi phía Bắc như: Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang..., cũng có tiềm năng thế mạnh, có khu du lịch quốc gia, văn hóa tâm linh, lịch sử cách mạng,... để phát triển đồng hành cùng tỉnh Lào Cai, nhưng trong nội dung quy hoạch tỉnh chưa được đề cập cụ thể, đề nghị quan tâm bổ sung làm căn cứ phối hợp triển khai thực hiện sau này.	

